

Bùa trong đời sống tâm linh của người Việt hiện nay

Vũ Hồng Thuật^(*)

Tóm tắt: Bùa là một hiện tượng tâm linh, liên quan đến Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa, tồn tại trong đời sống tâm linh của nhiều tộc người ở Việt Nam và trên thế giới. Trong cuộc sống hiện đại, bùa vẫn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng và nó được ví như tấm thẻ “bảo hiểm” thân thể đối với một số người, dùng để trấn an tâm lý, tránh rủi ro, cầu an, cầu may mắn và tài lộc. Bài viết tìm hiểu về bùa trong đời sống tâm linh của người Việt (người Kinh) hiện nay từ góc độ nhân học văn hóa.

Từ khóa: Bùa chú, Đời sống tâm linh

Abstract: Amulet is a Taoism-related spiritual phenomenon that takes root in the Vietnamese indigenous beliefs. It has existed as part of the spiritual life of many ethnic groups in Vietnam and in the world. Nowadays, amulet continues to play an important role in the life of each individual, family and community, and is likened to a insurance card” for users to reassure themselves of their safety against troubles and and pray for good luck and fortune. From the perspective of cultural anthropology, the article examines the case of amulet in the Vietnamese (Kinh people’s) spiritual life today

Keyword: Amulet, Spiritual life

1. Dẫn luận

Bùa hay bùa chú là một phạm trù bí ẩn đối với con người. Có thể thấy, bùa được sản sinh từ “ma thuật” nguyên thủy khi con người chưa chế ngự được thiên nhiên, nhưng lại cảm nhận được mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên với con người. Từ những mối quan hệ này, các pháp sư đã biến các đạo (lá) bùa thành những phương tiện mang tính ma thuật để chống lại các thế lực siêu nhiên gây hại tới con người, cây trồng, vật nuôi... với mong muốn đạt được những điều tốt lành trong cuộc sống. Bùa

đã trở thành một hiện tượng tâm linh liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng của nhiều tộc người ở nước ta, trong đó có người Kinh.

Kết quả nghiên cứu thực địa của chúng tôi từ năm 1997 đến 2017^(*) cho thấy, hầu

^(*) TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: Email: vuhongthuath@gmail.com

^(*) Năm 1995, tôi có trải nghiệm dùng bùa hộ thân và cảm nhận bùa cũng có một đời sống văn hóa tâm linh. Từ năm 1997, tôi bắt đầu nghiên cứu về cuộc sống của các pháp sư làm bùa để hiểu rõ hơn bí truyền nghề nghiệp của họ. Tôi thường theo các pháp sư đi thực hành các nghi lễ cúng có liên quan đến làm bùa tại các gia đình, công ty, đền và điện thờ của các ông đồng, bà đồng. Tôi đã thiết lập được mối quan hệ tốt với nhiều pháp sư ở các tỉnh thành để nghiên cứu về nghi lễ làm thiêng và giải thiêng bùa. Tôi cũng có cơ hội phỏng vấn sâu những pháp sư làm bùa và người sử dụng bùa (một số ý kiến

hết các tộc người ở Việt Nam đều dùng bùa, trong đó có người Kinh ở cả thành thị lẫn nông thôn^(*). Xét về bản chất, ngoài chức năng trấn an về tâm lý, cổ kết cộng đồng, giáo dục con người hướng tới việc thiện, tránh việc ác, bùa còn bao hàm cả những giá trị văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng và sự thừa nhận của xã hội. Tuy nhiên, việc dùng bùa hiện nay của một bộ phận người dân đang trở nên thái quá, dẫn đến nhiều hệ lụy cho bản thân.

Dưới nhãn quan nhân học văn hóa, bài viết bàn đến một số góc độ trong đời sống tâm linh của người Việt liên quan đến bùa chú như các nghi lễ làm bùa, nghi lễ giải thiêng bùa, niềm tin tâm linh từ những lá bùa...

2. Về các pháp sư làm bùa

Ngoài thực hành các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, các pháp sư còn làm bùa cho những người có nhu cầu. Từ kết quả nghiên cứu thực tế tại điện thờ của các pháp sư tại Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Định, Quảng Ninh, Đồng Nai..., chúng tôi nhận thấy, không phải tất cả những người thực hành tôn giáo đều biết làm bùa, cho dù họ có được người khác truyền dạy.

Theo quan niệm của các pháp sư, để trở thành pháp sư làm bùa, phải là nam giới và hội đủ các điều kiện: là người có “căn số” phải ra hành nghề tôn giáo, có khả năng giao tiếp được với thần linh, biết nuôi và điều khiển “âm binh” (vong hồn những người chết trẻ mà

họ nuôi luyện ở dưới ban thờ thần hồ của điện thờ), biết đọc chữ Hán, niệm thần chú, bắt quyết, có điện thờ và đã trải qua nghi lễ cấp sắc (Vũ Hồng Thuật, 2013: 63). Ngoài ra, họ còn phải kiêng kỵ nhiều thứ trong ăn uống (như kiêng ăn tỏi, mắm tôm vì sợ hôi miệng; kiêng ăn cá mè, cá chép, lươn, trạch, thịt chó, thịt mèo, thịt trâu trắng vì những con vật này thường được dùng làm nguyên liệu yểm bùa, nếu ăn vào sẽ bị vi phạm giới luật) và kiêng sinh hoạt vợ chồng vào ngày 30, mùng 1 và ngày 14, ngày 15 hàng tháng. “Nếu làm bùa không đúng quy tắc và giữ giới luật không nghiêm thì trước tiên mình bị thánh thần quả phạt làm cho ốm đau, mất tiền, tai nạn giao thông, sau mới đến người sử dụng bùa không có hiệu nghiệm. Bởi vậy, làm bùa thường phải chọn ngày, giờ tốt và ngồi đúng phương hướng để vẽ bùa thì lá bùa mới có linh nghiệm” (pháp sư Huyền Trí, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai).

Qua kết quả quan sát, nghiên cứu thực địa, chúng tôi nhận thấy, các pháp sư thường ngồi một mình tại phòng kín khi vẽ bùa, đọc thần chú, bắt quyết, họ làm lễ thiêng và nuôi “âm binh” tại một am riêng, người ngoại đạo không được biết. Với những người kế nghiệp, họ sẽ truyền dạy quy trình vẽ, nghi lễ làm thiêng và giải thiêng bùa, đời nọ truyền đời kia theo tục cha truyền con nối. Trong số những người làm bùa, chỉ các vị tăng sư là không xây dựng gia đình vì họ xuất gia; còn lại các pháp sư đều lập gia đình và truyền nghề cho con trai, không phân biệt là con cả hay con thứ, miễn người kế nghiệp có “căn duyên” với Phật thánh. Tuy nhiên, người được chọn kế nghiệp phải là người có tâm thiện, tính tình hiền lành, kiên nhẫn... Trong trường hợp không có con trai nối nghề, các pháp sư có thể truyền

được tôi trích dẫn trong bài viết này); đồng thời tiến hành sưu tầm những đạo bùa đã qua sử dụng để nghiên cứu dưới góc độ nhân học bảo tàng.

(*) Chúng tôi đã sưu tầm được hơn 300 loại bùa khác nhau của người Kinh ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam và dự kiến sẽ trưng bày chuyên đề về các bùa chú này tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam vào một thời điểm thích hợp.

nghề cho học trò. Theo lời kể của một pháp sư: “Dòng họ tôi có 8 đời làm pháp sư trong cung vua nhà Nguyễn. Năm 1944, gia đình tản cư ra Hải Phòng. Tôi là đời thứ 9, làm pháp sư và nay đang truyền nghề làm bùa cho người con trai thứ hai là đời thứ 10. Cái khó nhất đối với người làm bùa là phải biết tinh thông chữ Hán, thư phù, ấn quyết, niệm chú và giải thiêng bùa” (pháp sư Vũ Văn Đẩu, Hải Phòng).

Mỗi lá bùa hay nghi lễ liên quan đến ma thuật đều có tên riêng, thời gian, địa điểm, cách thức thực hành các nghi lễ riêng. Các pháp sư thường không tiết lộ cho người ngoại đạo biết, nhất là cách nuôi, điều khiển “âm binh” và nội dung các câu niệm chú mang tính mật yếu của lá bùa...

Một đặc điểm nổi bật của những người làm bùa là họ không nói thật năm sinh và chia sẻ kinh nghiệm làm bùa cho người khác, để phòng ngừa những pháp sư có quyền năng phép thuật cao hơn phản lại mình.

Trước năm 1954, có rất nhiều pháp sư, thầy cúng nhưng “khách hàng” không nhiều. Một làng có tới 2-5 pháp sư, tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa họ. Sự cạnh tranh trong thực hành tôn giáo nói chung và làm bùa nói riêng khiến các “cuộc chiến” của họ nhuộm màu huyền bí, họ tạo ra những lá bùa mà những người trong nghề gọi là “bùa đen” (pháp sư Vũ Văn Đẩu, Hải Phòng). Với loại bùa này, họ dùng phép thuật mang tính “ma thuật tiếp xúc” hay “ma thuật lây lan” để làm hại đối phương. Điều này thường bị xã hội lên án, giáo luật của Đạo giáo cũng nghiêm cấm. Bởi vậy, thường chỉ có người làm và người dùng lá bùa đen ấy mới biết về mục đích, công năng sử dụng lá bùa. Giá tiền cho một bùa đen cũng gấp nhiều lần so với bùa trắng. “Bùa trắng” là loại bùa dùng để phòng ngừa những ảnh

hưởng xấu từ bên ngoài tác động tới các cá nhân, gia đình, cộng đồng. Bùa trắng được làm công khai, đúng giáo luật, được xã hội thừa nhận.

Khi làm lễ nhập đạo và lễ cấp sắc cho đệ tử, giữa thầy và trò đều có nghi thức “ăn thề” với Phật thánh, tổ sư với nội dung: đệ tử không phản bội sư phụ, tuân thủ nghiêm giáo luật, không làm “bùa đen”. Trái lại, sư phụ hứa là nhiệt tình dạy nghề và không làm hại đến đệ tử (pháp sư Nguyễn Văn Châu, phường Ka Long, Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy, nhiều pháp sư không giữ được các điều quy định nêu trên, họ vẫn làm “bùa đen” để hại nhau.

Từ kết quả nghiên cứu thực địa từ năm 1997 đến nay ở một số điện thờ tại nhà các pháp sư ở Hà Nội, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đồng Nai..., chúng tôi nhận thấy, những người làm “bùa đen” thường bị lâm vào hoàn cảnh (mà có người gọi là nghiệp quả báo) như: vợ chồng ly hôn, con cái mắc bệnh nan y, hư hỏng, nghiện hút... “Việc làm ‘bùa đen’ để hại người khác trước đây và hiện nay thịnh hành vẫn diễn ra. Tuy nhiên, người bị bỏ bùa lại không được phép trả thù người làm bùa mà chỉ có thể dùng phép thuật của các vị pháp sư giỏi hơn để làm mất đi tác dụng của lá bùa đó. Nếu trả thù người làm bùa hại mình thì có thể bị bùa vật, thậm chí là có thể đánh đổi cả tính mạng” (pháp sư Vũ Văn Đẩu, Hải Phòng).

3. Nghi thức làm bùa

Để làm được một lá bùa linh nghiệm, các pháp sư phải hội đủ các điều kiện (như đã nêu). Đặc biệt, khi ngồi vẽ bùa, đọc thần chú, họ đều ở trong buồng kín, không cho người khác nhìn thấy, không để chó mèo chạy qua trước mặt. Vào những ngày Giáp Tý, Canh Thân hay ngày đại kỵ (không

tốt), pháp sư không được làm bùa, vì nếu làm sẽ bị thánh thần, tổ sư quở phạt, và lá bùa sẽ không linh nghiệm. Theo thông lệ, các pháp sư thường chọn giờ Ngọ (12h trưa) hay giờ Tý (12h đêm) của ngày 15 tháng Giêng để làm bùa. Lý do là vì, vào ngày này các vị Phật Thánh đi tuần du, thỉnh mời các Ngài nhập vào bùa, dụng cụ, pháp khí... thì đạo bùa làm ra mới linh nghiệm (pháp sư Nguyễn Văn Quý, đền Cốc, thị trấn Cốc, huyện Lạng Giang, Bắc Giang). Trước khi vẽ bùa, pháp sư phải làm lễ thiêng nguyên liệu, dụng cụ, pháp khí và tắm rửa sạch sẽ. Đây là nghi thức bắt buộc đối với tất cả những người làm bùa (pháp sư Vũ Văn Tiến, Thụy Khuê, Ba Đình, Hà Nội).

Theo quy tắc, vẽ bùa phải dùng bút lông, chấm mực tàu hay son đỏ để vẽ “cốt bùa” và viết chữ “sắc lệnh” trước, sau đó mới viết hàng chữ Hán khác theo hàng dọc từ trên xuống dưới; từ trái qua phải; từ ngoài vào trong và cuối cùng khóa chân bùa. Cấu trúc tạo hình của một lá bùa cũng có nét tương đồng như cấu trúc thân thể của con người, khi thì dễ nhận biết, khi thì ẩn dụ bằng các ký tự, các hình ngoằn ngoèo đến mức bí hiểm, kỳ dị. Những chữ Hán hay hình vẽ trên lá bùa đều có tính quy tắc, nó vừa mang nét riêng của môn phái vừa mang tính biểu tượng chung của phép thuật. Mặt khác, sự biến hóa của các ký tự trong đạo bùa cũng xuất phát từ cảm nhận với thể giới tâm linh của pháp sư. Một quy tắc bắt buộc đối với người làm bùa là vừa vẽ bùa hay viết chữ Hán, vừa phải đọc niệm chú. Nếu đọc xong mà viết/vẽ chưa xong thì đạo bùa không linh nghiệm, phải làm lại theo quy trình từ đầu (pháp sư Nguyễn Thế Quyền, Biên Hòa, Đồng Nai).

Tuy nhiên, hiện nay không còn nhiều pháp sư làm bùa theo phương pháp truyền

thống, họ thường đến các cửa hàng kinh doanh văn hóa phẩm phục vụ tôn giáo để mua những lá bùa in sẵn bằng máy in hiện đại, sau đó mang về làm lễ thiêng rồi đưa cho người sử dụng.

4. Nghi lễ làm thiêng bùa

Để làm ra một lá bùa linh nghiệm, pháp sư phải tạo ra một chuỗi các thực hành nghi lễ mang tính thiêng, từ việc chọn ngày giờ tốt, lấy phương hướng ngôi vẽ bùa và khi sử dụng dụng cụ, pháp khí, nguyên liệu đều tuân thủ theo quy tắc và thực hiện các nghi lễ. Nghi lễ làm thiêng bùa cũng rất đa dạng, mỗi pháp sư, tăng sư, các ông đồng, bà đồng có cơ sở thờ cúng khác nhau nên nghi lễ làm thiêng bùa cũng không giống nhau và còn tùy vào mục đích của lá bùa.

Thông thường sau khi vẽ xong lá bùa, đến nghi lễ làm thiêng, các tăng sư làm bùa ở chùa sẽ đặt lá bùa lên ban thờ Đức Chúa Ông hoặc Tam bảo Phật. Còn các ông đồng, bà đồng thì đặt lá bùa lên ban công đồng Thánh Mẫu hay dưới ban ngũ hổ của điện Mẫu ở một số ngôi đền. Các pháp sư thì đặt lên ban thờ các vị Tổ sư bùa chú ở đền hoặc ở điện thờ tại nhà các pháp sư.

Do việc làm bùa mang tính bí truyền nên nghi lễ làm thiêng thường được thực hiện vào ban đêm trong cơ sở thờ tự hoặc ở ngoài sân vào lúc 1 giờ đêm, người dùng bùa không được tham dự. Ví dụ với một lá bùa trấn trạch, chất liệu bằng giấy (dán trong nhà) hoặc gương bát quái (treo trước cửa nhà), nghi lễ làm thiêng diễn ra vào giờ Tý (khoảng 12 giờ đêm), với lễ vật là hương, hoa, rượu, tiền vàng, nến. Pháp sư đọc các câu niệm chú mời các vị thần (Ngọc Hoàng và tứ vị Kim Cương cai quản 4 hướng Đông - Tây - Nam - Bắc) nhập vào lá bùa. Họ cũng dâng cúng cho các “âm

binh” lễ vật là cháo trắng, bỏng ngô, tiền vàng, hương, muối, gạo... ở góc sân hướng ra ngoài cổng, với ý nghĩa là các “âm binh” nhận lương thực rồi thực hiện theo sắc lệnh của các vị thần, tổ sư bùa chú và pháp sư đi theo lá bùa để trấn giữ ngôi nhà cho chủ nhà được bình yên.

Sau khi kết thúc nghi lễ làm thiêng, pháp sư đóng dấu triện lên lá bùa rồi đưa cho người sử dụng cùng những dặn dò. Ấn đóng trên lá bùa phải bằng son đỏ, nó không chỉ thể hiện chức sắc, quyền phép mà còn là hiệu lệnh của pháp sư điều khiển “âm binh” thực thi nhiệm vụ để người dùng bùa đạt được mục đích (pháp sư Vũ Văn Đẩu, Hải Phòng).

5. Niềm tin tâm linh từ những lá bùa

Để thẩm định lá bùa có linh nghiệm hay không, chúng tôi cho rằng, đây không phải là công việc của các nhà nghiên cứu nhân học, văn hóa học. Về thực hư tính linh nghiệm của những lá bùa, thiết nghĩ chỉ có người làm và dùng bùa mới biết. Chúng tôi chỉ tổng hợp ý kiến của những người làm bùa, sử dụng bùa trên cơ sở tôn trọng niềm tin tâm linh của họ. Đứng ở góc độ của người đã từng sử dụng bùa, chúng tôi cảm nhận bùa cũng có chức năng trấn an về mặt tâm lý, niềm tin, tôn giáo, giáo dục và văn hóa với người sử dụng.

Có ý kiến cho rằng, bùa có một đời sống tâm linh và công năng nhất định, nếu như người làm và người sử dụng đúng cách (pháp sư Nguyễn Văn Lợi, Trà Cổ, Móng Cái, Quảng Ninh). “Lá bùa hộ mệnh tôi xin ở đền Kiếp Bạc vào dịp đầu năm 2014 được xem như thần hộ mệnh đem đến cho tôi sự bình an, sức khỏe và cảm thấy vui vẻ trong cuộc sống” (anh Nguyễn Văn Hường, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội). Qua phỏng vấn sâu

những người dùng bùa, có thể thấy tất cả họ đều có niềm tin nhất định vào nó. Trong mỗi lá bùa ít nhiều đều có sức mạnh tâm linh. Ví dụ, với những lá bùa trị bệnh: Có người bị ốm đau, tinh thần mê sảng. Tuy nhiên, khi khám bệnh tại các chuyên khoa thì không tìm ra bệnh, kết luận sức khỏe bình thường, nhưng khi trở về nhà lại ốm đau. Các thầy thuốc y học cổ truyền cho rằng, đó là do mất cân bằng âm dương bên trong cơ thể. Sau khi mời pháp sư đến nhà làm lễ, cho đeo bùa vào người thì họ khỏi bệnh. Nếu xét về cấu trúc, lá bùa cũng giống như một cơ thể con người. Đối với một người khỏe mạnh, cơ thể có được sự cân bằng giữa âm và dương. Nhưng nếu cơ thể bị ốm, tức thiếu đi phần âm, lúc này bùa sẽ làm nhiệm vụ kéo phần âm về lại với cơ thể để cân bằng giữa âm và dương.

Khi muốn làm bùa tại nhà, người ta thường mời pháp sư đến nhà làm lễ rồi làm thiêng lá bùa và treo bùa hoặc yểm (chôn xuống đất). Sau này khi không muốn sử dụng lá bùa ấy nữa, họ thường mời vị pháp sư ấy đến nhà làm lễ giải thiêng, sau đó mới treo hay yểm đạo bùa mới. Kết quả nghiên cứu thực địa của chúng tôi cho thấy, có gia đình (gia đình bà Vũ Thị Hiền, phường Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng) dùng tới 4 loại bùa, sau đó chăn nuôi gia súc, gia cầm thường bị dịch bệnh... Hoặc có trường hợp một pháp sư (pháp sư Nguyễn Văn Hà, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội) mới vào nghề nhưng thích sưu tầm và dùng nhiều loại bùa khác nhau để trải nghiệm, với mục đích xem thầy nào làm bùa giỏi để theo học nghề, sau đó gia đình làm ăn không thuận lợi. Họ cho rằng nguyên nhân là do trong nhà dùng nhiều loại bùa khác nhau dẫn đến “xung đột” về tâm linh.

6. Nghi lễ giải thiêng bùa

Trái lại với nghi lễ làm thiêng, nghi lễ giải thiêng bùa thường khá đơn giản, chỉ cần thực hiện nghi thức mời các vị thánh thần hay “âm binh” rời khỏi lá bùa để cho nó không còn công năng về mặt tâm linh nữa. Để giải thiêng lá bùa có thể được thực hiện theo hai cách: mời pháp sư đến nhà làm lễ giải thiêng bùa, hoặc người sử dụng bùa tự thực hiện.

Theo quan niệm truyền thống của các pháp sư làm bùa, thầy nào làm bùa thì họ sẽ là người giải thiêng lá bùa khi không còn sử dụng, như vậy sẽ hiệu nghiệm hơn là nhờ thầy khác thực hiện nghi lễ. Mỗi môn phái làm bùa đều có những “bí truyền” riêng nên họ không phổ biến cho người ngoài môn phái biết, bởi vậy, chỉ những người làm bùa mới biết được câu niệm chú mang tính “mật yếu” của môn phái trong nghi lễ làm thiêng lá bùa, khi giải thiêng, họ sẽ đọc được câu niệm chú ấy. Thượng tọa Thích Minh Thanh (trụ trì chùa Thắng Nghiêm, Hà Nội) cho biết: “Bùa của Phật giáo và Đạo giáo tuy có phần giống nhau về chất liệu, thể loại, mục đích sử dụng nhưng lại khác nhau về nội dung câu niệm chú trong lá bùa. Bởi vậy, cách giải thiêng lá bùa tốt nhất là môn phái nào làm thì môn phái ấy giải thiêng thì mới hiệu quả”.

Thông thường, với lá bùa làm bằng chất liệu giấy, vải, gương kính treo/dán trong nhà, trước khi tháo bỏ, pháp sư phải đọc câu niệm chú với nội dung là mời thánh thần, “âm binh” rời khỏi lá bùa, sau đó họ dùng thẻ hương đang cháy để thư phù (viết các chữ Hán liên quan đến câu niệm chú) và dùng nước mưa pha với nước gừng, rượu trắng xoa lên lá bùa rồi mới tháo xuống để hóa (đốt) lấy tro thả xuống ao, hồ, sông có nước sạch, gọi là giải mát. Với các loại bùa

chôn (yểm) dưới đất được xem là đất dữ (đất gần nơi nghĩa địa, có người chết đột tử, tự tử, tai nạn... trong khuôn viên nhà), phải dùng đến máu chó đen, cóc tía để yểm bùa, các pháp sư ngoài các nghi thức nêu trên còn phải dùng nước tiểu của trẻ nhỏ hòa với nước cây chuối tiêu và nước vôi trong đổ vào vị trí yểm bùa.

Còn với trường hợp những lá bùa hộ thân mang theo người mà người ta thường mua ở các di tích, lễ hội, hay bùa của Phật giáo có viết chữ Phạn (Án ma ni bát minh hồng) dán trên tấm vải đỏ trong đêm lễ hô thần nhập tượng vốn không có yếu tố mật giáo (câu niệm chú của Đạo giáo) và “âm binh” của phái phù thủy, sau một năm sử dụng, phần nào lá bùa đã giảm đi tính thiêng. Bởi vậy, người sử dụng thường tự thực hiện nghi lễ giải thiêng vào ngày 23 tháng Chạp hoặc chiều 30 Tết, họ thường mang lá bùa hóa (đốt) cùng với vàng mã trong buổi lễ của gia đình. Hoặc họ có thể mang đến chùa, đền, phủ... để giải thiêng, trước tiên là thắp hương khấn cầu các vị Phật thánh, sau đó hóa tại lò hóa vàng của cơ sở thờ tự. Đây là cách giải thiêng bùa tương đối phổ biến hiện nay.

7. Kết luận

Hiện nay, một số thực hành nghi lễ của pháp sư mang tính ma thuật đã mai một, nhưng vẫn còn tồn tại một số hình thức ma thuật liên quan đến bùa chú, trừ tà, trị bệnh, cầu an... diễn ra tại các cơ sở thờ tự tư nhân và cộng đồng. Trong bối cảnh sự bất ổn về mọi mặt của đời sống xã hội đương đại luôn bủa vây con người, yếu tố tôn giáo “lại trở thành một cứu cánh mạnh mẽ và trong chừng mực nào đó lại giúp ích cho người hiện đại rất nhiều” (Lê Hồng Lý, 2006: 196). Bởi vậy, trong những năm gần đây, ở cả vùng nông thôn và thành thị, vào dịp đầu năm, nhiều người thường đến nhà pháp sư

hay đi dự các lễ hội đình, đền, chùa,... để thỉnh bùa, với hy vọng giảm được những bất trắc, rủi ro và đón nhận được nhiều điều tốt lành trong cuộc sống.

Khó có cơ sở để kiểm chứng bùa chú dưới góc độ khoa học, cho nên một vài cá nhân có quan điểm, bùa chú là “trò bịp bợm”, “mê tín dị đoan”... Về thực hư tính linh nghiệm của những lá bùa, như đã nói, chỉ những người làm và người sử dụng mới có thể biết. Nhưng những câu chuyện có thực của các pháp sư và những người dùng bùa đã tạo cho bùa chú có một đời sống văn hóa tâm linh □

Tài liệu tham khảo

1. Lê Hồng Lý (2006), “Những hoạt động lễ hội tín ngưỡng của người Việt trong đổi mới kinh tế hiện nay”, trong: Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2006), *Giá trị và tính đa dạng của Folklore châu Á trong quá trình hội nhập*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Vũ Hồng Thuật (2013), *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Kinh hai nước Việt - Trung*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Viện Dân tộc học, trường Đại học Văn Nam, Trung Quốc (tiếng Trung).

(tiếp theo trang 50)

Tài liệu tham khảo

1. Byung Nak Song (2002), *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy*, bản dịch của Phạm Quý Long và đồng sự, Ban Nghiên cứu Hàn Quốc học, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Koen De Ceuster (2005), “Pride and Prejudice in South Korea’s Foreign Policy”, *Copenhagen Journal of Asian Studies*, pp. 64-90.
5. Shepherd Iverson (2013), *One Korea: A Proposal for Peace*, Publisher Mc Farland.
6. Steven E. Gump (editor, 2009), “Special Feature: “Korean Wave””, *Southeast Review of Asian Studies*, Vol. 31.
7. Thống kê Hải quan (2017), *Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam - APEC 10 tháng 2017*, <https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=26492&Category=Th%E1%BB%91ng%20k%C3%A0%20H%E1%BA%A3i%20quan>.